

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34 /2025/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 8 năm 2025

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Châu Thanh Nguyên; ông Mai Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân khu vực 14 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Bà Neáng M, sinh năm 1993, nơi cư trú tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang (nay là tổ B, khóm A, xã B, tỉnh An Giang), có mặt.

Bị đơn: Ông Chau D, sinh năm 1987, nơi cư trú tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang (nay là tổ B, khóm A, xã B, tỉnh An Giang), vắng mặt.

Người phiên dịch: Ông Kim S, sinh năm 1964, nguyên cán bộ Hội Cựu chiến binh xã T, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Neáng M trình bày: Vào năm 2011, bà M và ông D kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B (nay là xã B) vào ngày 17/03/2011. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn xảy ra do tính tình không hòa hợp, luôn bất đồng ý kiến, mâu thuẫn về tài chính, ông D không chí thú làm ăn, cờ bạc, nợ nần. Vợ chồng đã không chung sống cùng nhau từ tháng 06/2024, khoảng tháng 08/2024, bà M phát hiện ông D có người phụ nữ khác, bà về nhà mẹ ruột (cạnh nhà của bà M) sinh sống cho đến nay. Nay thấy mâu thuẫn ngày

càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông Chau D.

Về con chung: Cả hai có ba con chung tên Néang Say M1, sinh ngày 09/9/2012, Chau C, sinh ngày 12/8/2014 và Chau Ra U, sinh ngày 27/10/2016, kể từ khi ông D bỏ đi, cả 03 con chung đều sống cùng bà M. Bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu ông Chau D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, có căn nhà và 01 chiếc xe bán tải (xe mua trả góp chưa xong) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Chau D đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – An Giang phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Néang M có mặt trong suốt quá trình tố tụng; bị đơn ông Chau D đã được Tòa án nhân dân khu vực 14 – An Giang triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Chau D.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Chau D có đăng ký thường trú tại tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang (nay là tổ B, khóm A, xã B, tỉnh An Giang). Tòa án nhân dân khu vực 14 – An Giang thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 17/03/2011 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn trong quá trình chung sống thường xuyên bất đồng quan điểm, không có hạnh phúc và vợ chồng đã không còn sống chung. Bị đơn biết việc Tòa án thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, từ đó cho thấy bị đơn không có thiện chí trong việc hoà giải đoàn tụ vợ chồng, nên việc hàn gắn tình cảm cùng nhau xây dựng gia đình là không thể thực hiện được. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là có căn cứ, cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, cả hai có 03 con chung tên Néang Say M1, sinh ngày 09/9/2012, Chau C, sinh ngày 12/8/2014 và Chau Ra U, sinh ngày 27/10/2016, hiện đang sống với bà M. Từ khi ông D bỏ đi, các con đều do bà N Môm trực tiếp nuôi dưỡng và bà Neáng M yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, nguyện vọng của các cháu cũng muốn sống cùng mẹ, nghĩ nên giao các con chung cho bà N Môm tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của các con. Bà Neáng M không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung, nợ riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Neáng M khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Chau D không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Neáng M được ly hôn với ông Chau D.

[2] Về con chung, giao các con chung là Néang Say M1, sinh ngày 09/9/2012, Chau C, sinh ngày 12/8/2014 và Chau Ra U, sinh ngày 27/10/2016

cho bà N Môm được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Chau D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Neáng M cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Chau D thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Neáng M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0013046 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tri Tôn (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 14 – An Giang), bà Neáng M đã nộp đủ án phí, ông Chau D không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo, bà Neáng M có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Chau D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 14 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 14 – An Giang;
- UBND xã Ba Chúc;
- Công an xã Ba Chúc;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Ngọc Hà